

Số: **04/2019/DS -ST**

Ngày: 24/04/ 2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH O**  
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bá T**

**Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tích**

**Bà Nguyễn Thị Nguyệt**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Lê Thị Th Hà** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Th O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th O: **Bà Dương Thị Ngọc Loan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Th O, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLST-DS ngày 13/03/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn : Bà Ng Th T**, sinh năm 1955.

Trú tại: Thôn Mới, xã Cao Dương, Th O, Thành phố Hà Nội.

**Bị đơn: Chị Q Th Th**, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn Áng Phao, xã Cao Dương, huyện Th O, Thành phố Hà Nội.

Các bên đương sự có mặt đủ tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa, nguyên đơn trình bày:**

Tôi và chị Q Th Th có quan hệ họ hàng, chị Th là cháu họ tôi. Ngày 02/9/2017 chị Th có mang giấy tờ đất, hộ khẩu, chứng minh thư của chị Th để bán đất cho tôi với giá một tỷ đồng. tôi đồng ý, chị Th đã nhận tiền đặt cọc của tôi với số tiền là 205.000.000 đồng và thỏa Thận trong thời hạn 50 ngày, chị Th có trách nhiệm hoàn thành thủ tục sang tên chuyển nhượng thửa đất cho tôi.

Sau đó thỉnh thoảng chị Th có lên lấy tiền của tôi, tổng số tiền tôi đưa cho chị Th là 700.000.000đ tính đến ngày 09/6/2018.

Khi chị Th làm được giấy tờ đất thì chị Th lại không bán đất cho tôi.

Đến ngày 16 tháng 6 năm 1018. Chị Th tự tính cho tôi tiền lãi là 40.000.000 đồng và nhận trả tôi cả số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 40.000.000 đồng.

Nay tôi có quan điểm đề nghị chị Th phải trả tôi số tiền là 700.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 09/6/2018 theo lãi suất ngân hàng trên số tiền 700.000.000 đồng với mức lãi là 1%/Tháng và số tiền lãi 40.000.000 đồng.

**\*Bị đơn chị Q Th Th có quan điểm:** Tôi có vay bà T số tiền là 20.000.000đ, với lãi xuất 5000đ/1.000.000đ/1 ngày và tôi có mang chứng minh thư, hộ khẩu đưa cho bà T, tôi có vay bà T nhiều lần tính đến ngày 02/9/2017 là 205.000.000đ và bà T có bảo tôi viết giấy nhận tiền đặt cọc sang nhượng đất, sau đó tôi lại vay tiếp tổng là 450.000.000đ và có đợt lãi tôi không trả được bà T thì bà T cộng lãi thành gốc, tổng số tiền là 700.000.000đ tính đến ngày 09/6/2018.

Và nhà đất do bà T trả tôi rẻ nên tôi không bán, nay tôi có quan điểm hiện tôi có 100.000.000đ trả bà T còn lại tôi xin trả dần mỗi năm từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ và tôi xin tiền trả lãi vì hiện giờ tôi không có khả năng trả.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

Nguyên đơn có quan điểm: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Q Th Th phải trả bà T số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng và số tiền lãi 40.000.000 đồng.

Lãi tính từ ngày 09/06/2018 theo lãi suất vay của Ngân hàng quy định. Bà T tính lãi là 1%/tháng.

Bị đơn chị Q Th Th có quan điểm:

Về số nợ gốc: Chị Th chỉ nhận vay của bà T tiền. Nhiều lần vay. Tổng số tiền chị vay là 450.000.000 đồng. Lãi suất lãi xuất 5000đ/1.000.000đ/1 ngày.

Số tiền 700.000.000 đồng tiền gốc là bà T đã cộng lãi vào gốc. Vì vậy số tiền mới lên 700.000.000 đồng.

Chị Th thừa nhận đã ký nhận vay số tiền 700.000.000 đồng của bà T. Chị Th xin trả dần và xin bà T số tiền lãi.

Về chứng cứ chứng minh số tiền lãi bà T đã cộng vào gốc. Chị Th Không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời khai này.

Bà T bác bỏ lời khai của chị Th.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về trình tự tố tụng của vụ án đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc chị Q Th Th phải trả số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ quy định của điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, Điều 147 BLTTDS năm 2015 buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về quan hệ pháp luật:** Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là kiện “Kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

**[2] Về thời hiệu khởi kiện và quyền khởi kiện:** Người khởi kiện có quyền khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện vụ án còn.

**[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:** Chị Q Th Th có vay tiền của bà Ng Th T. Tổng số tiền vay tính đến ngày 09/6/2018 là 700.000.000 đồng.

Bà T đã nhiều lần đòi nợ, nhưng chị Th không trả theo cam kết.

Vì vậy cần buộc chị Th phải trả bà Ng Th T số tiền 700.000.000 đồng tiền vay. Căn cứ theo Điều 463 Bộ luật dân sự.

Về số tiền lãi: Các bên có thỏa Thận lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Vì vậy cần tính mức lãi suất là 10%/năm. Căn cứ theo điều 468 Bộ luật dân sự.

Cụ thể số tiền lãi là: 10 tháng 17 ngày.

Lãi suất 10%/năm tương đương 0,833%/ Tháng.

Số tiền lãi là  $700.000.000 \times 0,833\% / \text{Tháng} \times 10 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 61.300.000 \text{ đồng}$ .

Buộc chị Th phải trả cho bà T số tiền lãi này.

Tổng cả gốc và lãi cần buộc chị Th phải trả cho bà T là: 761.300.000 đồng.

Về số tiền 40.000.000 đồng tiền lãi bà T yêu cầu. Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ do việc chị Th tự ghi. Các bên không ghi rõ mức lãi suất và thời gian tính lãi. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu này của bà T.

\*Về án phí: Chị Q Th Th phải nộp 34.452.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ng Th T 10.700.000 đồng tiền đã nộp tạm ứng án phí. Theo biên lai số 0002490 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th O, Thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên!

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng:** Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

-Khoản 1 điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng Th T

2. Buộc chị Q Th Th phải trả bà Ng Th T số tiền 761.300.000 đồng.

Trong đó số tiền nợ gốc: 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Số tiền nợ lãi: 61.300.000 đồng (sáu mươi một triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu khoản

lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất không vượt quá 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4.Ấn phí: Chị Q Th Th phải nộp 34.452.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ng Th T 10.700.000 đồng tiền đã nộp tạm ứng án phí. Theo biên lai số 0002490 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th O, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Nguyên đơn, Bị đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Th O.
- Đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Bá Thắng**